

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

## QUYỂN XXVIII

### Phẩm 23: BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG 4

Bấy giờ, Lục sư ngoại đạo sinh ra ganh ghét nên chúng đều tập hợp lại đi đến chỗ của vua Ba-tư-nặc nói:

–Tâu đại vương! Đại vương nên biết, đất nước của vua thanh bình, nhàn tịnh, đúng là chỗ trú ngụ của người xuất gia. Vậy nên chúng tôi vì việc ấy mà đi đến đây. Tâu đại vương! Đại vương dùng chánh pháp cai trị, vì dân trừ hoạn nạn. Sa-môn Cù-đàm tuổi còn nhỏ, thời gian học lại ít, đạo thuật không biểu hiện. Đất nước này trước có những bậc túc đức kỳ cựu, nhưng ông ấy tự cậy vào dòng giống vua, chẳng sinh lòng cung kính. Nếu là dòng giống vua thì theo pháp nên cai trị dân, còn như ông ấy xuất gia thì nên cung kính bậc túc đức. Đại vương minh xét! Sa-môn Cù-đàm chân thật chẳng sinh trong dòng dõi vua. Sa-môn Cù-đàm nếu có cha mẹ thì vì sao cướp đoạt cha mẹ người khác? Tâu đại vương! Trong kinh của chúng tôi nói, qua một ngàn năm, có một điềm quái lạ, huyền hóa xuất hiện”. Đó là Sa-môn Cù-đàm. Vậy nên phải biết là Sa-môn Cù-đàm không cha không mẹ. Nếu có cha mẹ thì làm sao ông nói, các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, vô tác, vô thọ. Ông dùng huyền thuật lừa dối mê hoặc chúng sinh, kẻ ngu tín thọ, người trí bỏ đi. Tâu đại vương! Phạm là nhân vương thì từ trời xuống làm cha mẹ. Như cái cân, như đất, như gió, như lửa, như đường, như sông, như cầu, như đèn, như mặt trời, như mặt trăng v.v... cứ như pháp mà quyết đoán sự việc, chẳng chọn lựa kẻ oán, người thân. Sa-môn Cù-đàm chẳng cho chúng tôi sống, theo chỗ chúng tôi đi mà truy đuổi chẳng bỏ. Cúi xin đại vương cho phép chúng tôi cùng ông ấy thi đấu đạo lực. Nếu ông

ấy thắng thì chúng tôi sẽ thuộc về ông ấy. Nếu chúng tôi thắng thì ông ấy sẽ thuộc về chúng tôi.

Nhà vua nói: “Thưa chư Đại đức! Các ông ai ai cũng đều tự có pháp tu hành, chỗ cư trú cũng đều chẳng đồng. Ta nay biết chắc chắn là Đức Như Lai Thế Tôn đối với các ông không phượng hại gì”. Lục sư đáp: “Sao gọi là không phượng hại gì? Sa-môn Cù-đàm dùng phép huyền thuật dụ dỗ lừa dối mọi người và Bà-la-môn quy phục hết rồi. Nhà vua nếu cho phép chúng tôi cùng ông ấy thi đấu đạo lực thì danh tốt của nhà vua sẽ lưu hành tám phương. Như ông ấy chẳng thi đấu thì tiếng xấu đầy đường”. Nhà vua nói: “Này chư Đại đức! Các ông chưa biết đạo lực của Đức Như Lai uy thần lồng lộng nên cầu xin thi đấu. Nếu các ông biết chắc rồi thì sợ chẳng thể cầu xin đâu”. “Tâu đại vương! Đại vương nay đã thọ nhận sự huyền hóa của Sa-môn Cù-đàm rồi sao? Cúi xin đại vương quan tâm cho phép và giám sát, chớ khinh chúng tôi. Việc chưa rõ mà nói suông chẳng bằng kiểm nghiệm sự thật”. Nhà vua nói: “Hay thay! Hay thay!”. Lục sư vui mừng mà ra về. Khi ấy, vua Ba-tư-nặc liền ra lệnh chuẩn bị xa giá và đi đến chỗ Ta, đầu mặt lễ kính, nhiễu quanh bên phải ba vòng, lui về ngồi một bên mà bạch với Ta: “Thưa Thế Tôn! Lục sư hưởng đến chỗ con cầu thi đấu đạo lực với Thế Tôn mà con chẳng biết tính sao đành hứa với họ rồi”. Ta bảo: “Này đại vương! Hay thay! Hay thay! Chỉ có điều là ở nước này, khắp nơi sẽ tạo lập thêm tăng viện. Vì sao? Vì nếu Ta cùng họ thi đấu thần lực thì trong chúng đó, người chịu sự giáo hóa nhiều lên mà chỗ này nhỏ hẹp thì làm sao dung thọ hết”.

Này thiện nam! Bấy giờ, Ta vì hạng Lục sư này nên từ ngày mừng một đến ngày mười lăm thị hiện thần thông biến hóa rất hy hữu. Đang khi đó thì vô lượng chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vô lượng chúng sinh đối với Tam bảo phát sinh niềm tin, chẳng nghi ngờ. Số đồ chúng của Lục sư ấy nhiều vô lượng, phá tâm tà kiến, theo chánh pháp xuất gia. Vô lượng chúng sinh ở trong đạo Bồ-đề được tâm bất thoái. Vô lượng chúng sinh được Đà-la-ni, các môn Tam-muội. Vô lượng chúng sinh được từ quả Tu-đà-hoàn đến quả A-la-hán.

Bấy giờ, Lục sư cảm thấy xấu hổ, cùng nhau vây quanh kéo đến thành Bà-chỉ-đa, dạy dân chúng ở đó tín thọ tà pháp là: “Sa-môn Cù-đàm chỉ nói về việc rỗng không”. Nay thiện nam! Khi Ta vì mẹ ở dưới cây Ba-lợi-chất-đa trên trời Đao-lợi an cư nói pháp thì lúc đó tâm trạng của hạng Lục sư rất vui mừng, xướng lên: “Hay thay! Huyền thuật của Sa-môn Cù-đàm nay đã diệt mất”. Chúng lại dạy cho vô lượng vô số chúng sinh tăng trưởng tà kiến. Lúc ấy, vua Tần-bà-ta-la, vua Ba-tư-nặc và bốn bộ chúng bạch Tôn giả Mục-kiền-liên: “Thưa Đại đức! Cõi Diêm-phù-đề này tà kiến tăng trưởng, chúng sinh có thể lo làm những việc rất đen tối. Cúi xin Đại đức đi lên cõi trời đó, cúi đầu trước đấng Thế Tôn và bạch như lời chúng tôi: “Ví như con trâu nghé mới sinh chưa lâu, nếu chẳng được sữa thì nhất định phải chết không gì nghi ngờ. Chúng sinh chúng con cũng như vậy, cúi xin Như Lai thương xót chúng sinh trở về đến trụ nơi đây”. Tôn giả Mục-kiền-liên lặng thinh nhận lời, rồi trong khoảnh khắc như vị đại Lực sĩ co duỗi cánh tay, ông đi lên cõi trời đó, đến chỗ Ta, bạch: “Bốn chúng trong cõi Diêm-phù-đề khát khao, ngưỡng mộ Như Lai, nhớ nghĩ mong gặp Như Lai để nghe pháp. Vua Tần-bà-ta-la, vua Ba-tư-nặc và bốn bộ chúng v.v... xin đánh lễ dưới chân Như Lai gửi lời thưa thỉnh: “Chúng sinh của cõi Diêm-phù-đề này tà kiến tăng trưởng, hành động rất đen tối, rất đáng thương xót. Ví như con nghé sinh ra chưa lâu, nếu chẳng được sữa thì nhất định phải chết, chẳng nghi ngờ gì. Chúng con cũng vậy, cúi xin Như Lai vì chúng sinh mà trở lại ở trong cõi Diêm-phù-đề”. Ta bảo Tôn giả Mục-kiền-liên: “Tôn giả hãy mau trở về cõi Diêm-phù-đề bảo các vị quốc vương và bốn bộ chúng là sau bảy ngày Ta sẽ trở xuống. Nhưng vì bọn Lục sư nên Ta lại phải đến thành Bà-chỉ-đa kia”. Qua bảy ngày rồi, Ta cùng với Thích, Phạm, Ma, vô lượng Thiên tử và tất cả thiên nhân cõi Thủ-đà-hội vây quanh trước sau đi đến thành Bà-chỉ-đa đồng dạy tuyên bố: “Chỉ độc nhất trong pháp của Ta mới có Sa-môn và Bà-la-môn. Tất cả các pháp vô thường, vô ngã, còn Niết-bàn thì tịch tĩnh, lìa các tội lỗi khổ đau. Nếu nói, pháp khác cũng có Sa-môn, Bà-la-môn, có thường, có ngã, có Niết-bàn thì không có điều này”. Bấy giờ, vô lượng vô biên chúng sinh phát tâm Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác. Khi đó Lục sư đều nói với nhau: “Nếu trong pháp ta thật không có Sa-môn, Bà-la-môn thì làm sao mà được sự cúng dường của thế gian”. Khi ấy Lục sư lại tụ tập cùng nhau đi đến Tỳ-xá-ly.

Này thiện nam! Vào một thuở, Ta trụ ở vùng rừng Am-la của thành Tỳ-xá-ly, có người con gái Am-la biết Ta ở trong đó nên muốn đến chỗ Ta. Lúc ấy, Ta bảo các Tỳ-kheo: “Nên quán niệm xứ, khéo tu trí tuệ, theo pháp tu tập, tâm chớ buông lung. Sao gọi là quán niệm xứ? Nếu có Tỳ-kheo quan sát nội thân chẳng thấy ngã và cả ngã sở, quan sát ngoại thân và nội ngoại thân chẳng thấy ngã và ngã sở, quan sát thọ, tâm, pháp cũng như vậy, thì đó gọi là niệm xứ. Sao gọi là tu tập trí tuệ? Nếu có Tỳ-kheo chân thật thấy khổ, tập, diệt, đạo thì đó gọi là Tỳ-kheo tu tập trí tuệ. Sao gọi là tâm chẳng phóng dật? Nếu có Tỳ-kheo-niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm thiên thì đó gọi là Tỳ-kheo tâm chẳng phóng dật”. Ngay khi đó thì người con gái Am-la liền đến chỗ Ta đầu mặt làm lễ, đi quanh bên phải ba vòng, xong rồi lui về ngồi một phía. Này thiện nam! Ta vào lúc ấy vì người con gái Am-la theo căn cơ mà nói pháp. Người con gái này nghe rồi liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trong thành đó có năm trăm Lê-xa tử đi đến chỗ Ta đầu mặt làm lễ, đi quanh bên phải ba vòng, xong rồi lui về ngồi một phía. Ta lại vì các Lê-xa tử theo căn cơ mà nói pháp như vậy: “Này các Thiện nam! Phóng dật có năm quả báo. Những gì là năm? Một là chẳng được tự tại về tài lợi. Hai là tiếng xấu lan truyền ra bên ngoài. Ba là chẳng ưa bố thí cho người bần cùng thiếu thốn. Bốn là chẳng ưa thấy bốn chúng. Năm là chẳng được thân chư Thiên. Này các Thiện nam! Do chẳng phóng dật có thể sinh ra pháp thế gian, pháp xuất thế gian. Nếu có người muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải nên siêng tu pháp chẳng phóng dật. Phàm người phóng dật lại bị mười ba quả báo. Những gì là mười ba? Một là ưa làm việc thế gian. Hai là ưa nói lời nói vô ích. Ba là thường ưa ngủ nghỉ lâu. Bốn là ưa nói việc thế gian. Năm là thường ưa gần gũi bạn xấu. Sáu là lưỡi biếng uể oải. Bảy là thường bị sự khinh rẻ của người

khác. Tám là tuy có điều nghe biết nhưng lại liền quên mất. Chín là ưa ở chỗ biên địa. Mười là chẳng thể điều phục các căn. Mười một là ăn chẳng biết đủ. Mười hai là chẳng ưa vắng lặng. Mười ba là điều thấy biết chẳng chân chính. Này thiện nam! Phạm người phóng dật tuy được gần Phật và đệ tử của Phật nhưng vẫn còn rất xa”. Các Lê-xa tử bạch: “Chúng con tự biết là người phóng dật. Vì sao? Vì như chúng con chẳng phóng dật thì đáng Như Lai Pháp Vương đã xuất hiện ở cõi của chúng con”. Trong đại hội có con của một Bà-la-môn tên là Vô Thắng nói với các Lê-xa tử: “Hay thay! Hay thay! Đúng như lời ông nói. Vua Tần-bà-ta-la đã được lợi ích lớn. Đức Như Lai Thế Tôn xuất hiện ở đất nước vua ấy giống như ao lớn mọc lên hoa sen đẹp, tuy mọc lên từ trong nước nhưng nước chẳng thể làm dơ bẩn. Này các Lê-xa tử! Phật cũng như vậy, tuy sinh ở nước đó nhưng chẳng bị trở ngại bởi pháp thế gian. Chư Phật Thế Tôn không ra không vào nhưng vì chúng sinh nên xuất hiện ở đời mà chẳng bị pháp thế gian làm trở ngại. Các ông tự đam mê phóng túng theo năm dục, chẳng biết đến thân cận chỗ Như Lai nên mới gọi là người phóng dật, chứ chẳng phải Phật xuất hiện ở nước Ma-già-đà mà cho mình phóng dật. Vì sao? Vì Như Lai Thế Tôn giống như mặt trời, mặt trăng chẳng phải vì một người, hai người mà ra đời”. Các Lê-xa tử nghe lời nói đó rồi liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Họ lại nói lên: “Hay thay! Hay thay! Thưa đồng tử Vô Thắng, ông khéo nói lời tuyệt vời như vậy”. Khi ấy, các Lê-xa tử từng người từng người đều cởi một cái áo đang mặc trên người, đem hiến thí cho đồng tử Vô Thắng. Vô Thắng nhận rồi chuyển dâng lên cho Ta và lại nói: “Thưa Thế Tôn! Con từ Lê-xa tử được số áo này, nguyện xin Như Lai thương xót chúng sinh mà nhận sự dâng cúng của con”. Lúc ấy, Ta thương đồng tử Vô Thắng đó nên liền thọ nhận. Các Lê-xa tử đồng thời chấp tay nói như vậy: “Cúi xin Như Lai ở đất nước này mà an cư một thời gian, nhận sự cúng dường nhỏ nhoi của chúng con”. Ta mặc nhiên nhận lời mời của các Lê-xa.

Lúc đó, bọn Lục sư nghe như vậy rồi thì thầy trò cùng nhau đi đến thành Ba-la-nại. Bấy giờ, Ta lại sang thành Ba-la-nại, trụ ở bên dòng sông Ba la. Ở Ba-la-nại có con ông trưởng giả tên là Bảo Xứng

đam mê phóng túng theo năm dục mà chẳng biết là sai quấy. Do Ta đến nên ông ấy tự nhiên đắc pháp bạch cốt quán. Ông thấy cung điện, nhà cửa, cung nhân, thể nữ đều là xương trắng, lòng sinh kinh sợ như thấy dao bén, rắn độc, như giặc, như lửa nên liền ra khỏi nhà đi đến chỗ Ta. Dọc đường ông kêu lên: “Sa-môn Cù-đàm ơi! Tôi nay như bị giặc truy đuổi rất là kinh sợ! Nguyện xin Ngài cứu tế cho”. Ta nói: “Này thiện nam! Phật, Pháp, Tăng yên ổn, không có sự sợ hãi”. Con ông trưởng giả nói: “Nếu trong Tam bảo không có sự sợ hãi thì con hôm nay cũng sẽ được không sợ hãi”. Ta liền cho ông ấy xuất gia tu đạo. Con ông trưởng giả lại có năm mươi người đồng bạn, từ xa nghe tin bạn Bảo Xứng chán lìa xuất gia liền thỏa thuận cùng nhau xuất gia.

Hàng Lục sư nghe rồi, lại lần lượt đi đến đại thành Chiêm-bà. Tất cả dân chúng nước Chiêm bà đều cùng phụng sự đồ chúng Lục sư. Ban đầu chưa nghe tên Phật, Pháp, Tăng, có nhiều người tạo tác nghiệp cực ác. Lúc ấy, Ta vì chúng sinh nên đến thành Chiêm-bà. Trong thành đó có ông đại trưởng giả không có người nối dõi nên cúng dường phụng sự Lục sư để cầu con. Về sau chẳng bao lâu, vợ ông ấy mang thai, ông trưởng giả biết rồi đi đến chỗ của Lục sư, vui mừng mà nói: “Vợ tôi mang thai là trai hay gái?”. Lục sư đáp: “Sinh ra nhất định là gái!”. Ông trưởng giả nghe rồi, lòng sinh sầu não. Lại có người bạn đến hỏi ông trưởng giả: “Vì sao mà sầu não đến như vậy?”. Ông trưởng giả đáp: “Vợ tôi mang thai chưa biết trai hay gái nên đến hỏi Lục sư thì Lục sư thấy nói là như pháp tướng của ta, sinh ra nhất định là con gái. Tôi nghe lời nói này rồi tự nghĩ mình tuổi già, của cải giàu có không lường, như đứa bé ấy chẳng phải là con trai thì không biết phó chúc cho ai nên tôi buồn”. Người bạn lại nói: “Ông không có trí tuệ, trước chẳng nghe sao? Anh em ông Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp là đệ tử của ai? Của Phật hay là của Lục sư? Nếu Lục sư là Nhất thiết trí thì ông Ca-diếp vì sao bỏ đi làm đệ tử của Phật. Lại nữa, ông Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v... và các quốc vương như Tần-bà-ta-la v.v... các phu nhân của vua như phu nhân Mạt-lợi v.v... trưởng giả các nước như ông Tu-đạt-đa v.v... Những người như vậy chẳng phải là đệ tử của Phật sao? Quỷ thần Khoáng

dã, vua A-xà-thế, voi say Hộ Tài, Ương-quật-ma-la ác, tâm sôi sục muốn hại mẹ mình. Những bọn như vậy chẳng phải đã được Như Lai điều phục rồi sao? Thưa trưởng giả! Như Lai Thế Tôn đối với tất cả pháp thấy biết không ngăn ngại nên gọi là Phật, lời nói không hai nên gọi là Như Lai, đã đoạn trừ phiền não nên gọi là A-la-ha. Lời nói của Đức Thế Tôn nhất định không sai khác, còn Lục sư chẳng vậy, nên làm sao có thể tin được. Đức Như Lai nay ở gần đây, nếu muốn biết sự thật thì phải đến chỗ Đức Phật”. Bấy giờ, ông trưởng giả liền cùng với bạn đi đến chỗ Ta, đầu mặt làm lễ, đi quanh bên phải ba vòng, chấp tay, quỳ dài, bạch: “Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đối với các chúng sinh bình đẳng không hai, oán thân một tướng. Con bị sự trói buộc của ái kết nên đối với kẻ oán người thân chưa thể không phân biệt. Nay con muốn hỏi Như Lai việc đời mà tự thấy thẹn và sợ nên chưa dám nói ra. Thưa Thế Tôn! Vợ con mang thai, thầy tướng Lục sư nói, sinh ra nhất định là con gái, việc này ra sao?”. Ta nói: “Này trưởng giả! Vợ ông mang thai là con trai, không gì nghi ngờ. Đứa bé ấy sinh ra rồi thì phước đức không ai sánh kịp”. Bấy giờ, ông trưởng giả nghe lời nói này rồi, phát sinh hoan hỷ lớn liền lui ra, quay về nhà. Lúc này, bọn Lục sư nghe Ta báo trước đứa bé sinh ra nhất định là con trai, có phước đức lớn thì lòng họ phát sinh ganh ghét, dùng quả Am-la hòa hợp với thuốc độc, mang đến nhà ông trưởng giả ấy và nói với ông ta: “Giỏi thay! Ngài Cù-đàm khéo nói tướng của con ông. Vợ ông tới tháng sinh có thể uống thứ thuốc này. Uống thuốc này rồi thì đứa bé đẹp đẽ, sản phụ không hoạn nạn”. Ông trưởng giả vui mừng nhận thứ thuốc độc ấy, đem cho vợ mình bảo uống. Vợ ông trưởng giả uống xong liền chết, bọn Lục sư vui mừng đi cùng khắp thành thị, cao giọng xưng lên: “Ông Sa-môn Cù-đàm dự báo là vợ ông trưởng giả kia sẽ sinh con trai. Đứa trẻ ấy phước đức cả thiên hạ không ai hơn. Nay đứa trẻ chưa sinh mà người mẹ đã mất mạng”. Bấy giờ ông trưởng giả lại đối với Ta, sinh lòng chẳng tin, liền y theo phép thế gian tẩm liệm vợ vào áo quan, đưa đến bên ngoài thành, chất nhiều củi khô dùng lửa đốt. Ta dùng đạo nhãn thấy rõ việc này, bảo A-nan lấy y lại cho Ta, Ta muốn đến chỗ đó tiêu diệt tà kiến. Vua trời Tỳ-sa-môn bảo đại tướng Ma-ni-bạt-đà:

“Đức Như Lai hôm nay muốn đến bãi tha ma kia. Ông hãy mau đến đó dọn quét sạch sẽ, làm bằng phẳng, đặt tòa ngai sư tử, tìm kiếm hương hoa đẹp mà trang nghiêm đất ấy”. Bấy giờ, bọn Lục sư từ xa thấy Ta đến, đều nói với nhau: “Ông Sa-môn Cù-đàm đến bãi tha ma này muốn ăn thịt sao?”. Lúc này, có nhiều Ưu-bà-tắc chưa được pháp nhãn, nên lo ngại với Ta: “Người đàn bà đó đã chết rồi, xin Thế Tôn chẳng nên đến đó”. Lúc ấy, ông A-nan nói với mọi người: “Hãy đợi giây lát! Chẳng bao lâu nữa, Như Lai sẽ khai mở rộng cảnh giới của chư Phật”. Khi Ta đến rồi, ngồi vào tòa sư tử thì ông trưởng giả nạn vấn Ta: “Lời nói không hai nên gọi là Thế Tôn, nay người mẹ đã chết thì làm sao sinh con đây?”. Ta nói: “Này trưởng giả! Lúc ấy, Ta chẳng thấy ông hỏi về mạng người mẹ ngắn hay dài mà chỉ hỏi thai đang mang là trai hay gái thôi. Các Đức Phật Như Lai lời nói không sai khác. Vậy nên ông phải biết, nhất định được con trai”. Lúc đó tử thi bị lửa đốt cháy, bụng nứt ra, đứa con từ trong đó xuất hiện ngồi ngay thẳng trong đám lửa giống như chim uyên ương ở trên đài hoa sen. Bọn Lục sư thấy rồi lại nói: “Yêu mị thay! Ông Cù-đàm khéo làm huyền thuật”. Ông trưởng giả thấy rồi, lòng lại vui mừng, quở trách bọn Lục sư: “Nếu nói là huyền thì sao các ông chẳng làm được”. Lúc ấy, Ta liền bảo ông Kỳ-đà: “Ông đến trong đám lửa bồng đứa bé đó lại đây”. Ông Kỳ-đà sắp đi đến thì bọn Lục sư trước đã mở lời nói với ông Kỳ-đà: “Việc tạo tác huyền thuật của ông Cù-đàm chưa chắc là luôn luôn được. Hoặc có thể hay chẳng thể bồng ra, nếu đứa trẻ ấy chẳng thể thoát được thì có thể ông bị cháy hại lây. Ông nay làm sao có thể tin thọ lời nói của ông ấy?”. Ông Kỳ-đà đáp: “Đức Như Lai sai vào địa ngục A-tỳ, lửa dữ ở đó còn chẳng thiêu đốt huống nữa là lửa của thế gian”. Bấy giờ, ông Kỳ-đà bước vào đám lửa như là vào trong dòng sông lớn mát mẻ, bồng đứa trẻ đó trở về đến chỗ của Ta và trao đứa bé cho Ta. Ta nhận đứa bé rồi bảo ông trưởng giả: “Thọ mạng của tất cả chúng sinh mong manh như bọt nước. Chúng sinh nếu có quả báo của nghiệp sâu dày thì lửa chẳng thể đốt, độc chẳng thể hại. Quả báo về nghiệp của đứa bé này chẳng phải do Ta tạo tác”. Ông trưởng giả bạch: “Hay thay! Hay thay! Thưa Thế Tôn! Đứa trẻ này đã được hưởng mệnh trời, cúi xin



Như Lai vì nó mà đặt tên cho”. Ta bảo: “Đứa trẻ này sinh ra trong lửa mạnh, mà lửa gọi là thọ đề nên tên là Thọ Đề”.

Bấy giờ, trong chúng hội thấy thần hóa của Ta, vô lượng chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi ấy, bọn Lục sư đi cùng khắp sáu thành mà chẳng được dừng chân, cúi đầu xấu hổ, lại đi đến thành Câu-thi-na này. Đã đến đây rồi, họ rao truyền: “Mọi người phải biết, Sa-môn Cù-đàm là một nhà đại huyễn thuật, lừa dối mê hoặc thiên hạ khắp sáu ngôi đại thành. Ví như nhà huyễn thuật tạo bốn thứ binh như là binh xe, binh ngựa, binh voi, binh bộ. Lại còn làm ra đủ thứ chuỗi ngọc, thành quách, cung điện, nhà cửa, sông ao, cây cối v.v... Cù-đàm cũng như vậy, biến hóa làm thân vua rồi vì vua nói pháp. Hoặc làm ra thân Sa-môn, Bà-la-môn, thân nam, thân nữ, thân lớn, thân nhỏ, hoặc làm ra thân súc sinh, thân quỷ thần. Ông ấy hoặc nói vô thường, hoặc nói có thường, hoặc nói khổ hay nói vui, hoặc nói có ngã hay nói vô ngã, hoặc nói tịnh hay nói bất tịnh, hoặc nói có hay nói không. Những điều đó là hư vọng nên gọi là huyễn. Ví như nhân là hạt, tùy theo hạt mà được trái, Sa-môn Cù-đàm cũng như vậy, người mẹ sinh ra ông ấy là Ma-da đã là huyễn thì ông ấy là con chẳng được coi là chẳng phải huyễn. Sa-môn Cù-đàm không có tri kiến chân thật. Các thầy Bà-la-môn từng trải nhiều năm tháng, tu tập khổ hạnh, hộ trì giới cấm, còn nói ra chưa có tri kiến chân thật, huống gì là Cù-đàm tuổi trẻ, học cạn, chẳng tu khổ hạnh thì làm sao mà có tri kiến chân thật. Nếu ông ấy có thể đầy đủ bảy năm khổ hạnh, thì cái thấy còn chẳng nhiều, huống gì là việc tu tập chẳng trọn sáu năm. Người ngu không trí mới tin thọ lời dạy của ông ấy. Như bậc thầy lớn về huyễn thuật lừa dối mê hoặc kẻ ngu, Sa-môn Cù-đàm cũng như vậy”. Này thiện nam! Như vậy bọn Lục sư ở trong thành lớn này làm tăng trưởng tà kiến cho chúng sinh. Này thiện nam! Ta thấy việc này lòng sinh thương xót, dùng thần lực triệu thỉnh những Đại Bồ-tát trong mười phương vân tập về khu rừng này, đây khắp cả bốn mươi do-tuần. Hôm nay, ở trong rừng này Ta đồng dạy tuyên thuyết đại pháp như tiếng rống của đại sư tử. Này thiện nam! Ở chỗ trống vắng tuy có nói nhiều pháp nhưng cũng chẳng được gọi là Sư tử hống. Nhưng

ở trong đại chúng gồm những người trí này thì chân thật được gọi là đại Sư tử hống. Sư tử hống là nói tất cả pháp đều vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh và chỉ nói Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh.

Bấy giờ, bọn Lục sư lại nói lời này: “Nếu Cù-đàm có ngã thì ta cũng có ngã. Cái gọi là ngã là cái thấy đó gọi là ngã. Nay Cù-đàm! Ví như có người hương về trong thấy vật thì ngã cũng như vậy. Hương là dụ cho mắt, thấy là dụ cho ngã”. Ta bảo: “Này Lục sư! Nếu nói rằng thấy gọi là ngã thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì sự dẫn dụ của các ông là nhân hương mà thấy thì con người ở tại một hương, sáu căn đều sử dụng, nếu nhất định có ngã, do mắt thấy thì sao trong một căn đó chẳng nhận biết hết các trần. Nếu trong một căn chẳng thể cùng một lúc nghe thấy sáu trần thì phải biết là vô ngã. Cái dụ hương dẫn ra đó, tuy trải qua trăm năm mà người thấy dựa vào thì sự thấy không khác và nhãn căn trải qua ngàn ấy năm thì căn thực cũng nên không khác. Con người hương khác nên thấy trong, thấy ngoài. Nhãn căn nếu vậy thì cũng nên trong ngoài cùng một lúc đều thấy. Nếu chẳng thấy thì sao gọi là có ngã?”. Bọn Lục sư lại nói: “Này Cù-đàm! Nếu không ngã thì ai có thể thấy?”. Ta đáp: “Có hình sắc, có ánh sáng, có tâm, có mắt, bốn thứ này hòa hợp nên gọi là thấy. Trong đó thật không có người thấy và cái để thấy. Chúng sinh điên đảo nói rằng, có người thấy và cả cái để thấy. Do nghĩa này nên đối tượng nhận thức của tất cả chúng sinh là điên đảo, còn đối tượng nhận thức của chư Phật, Bồ-tát là chân thật. Nay Lục sư! Nếu nói sắc là ngã thì điều đó cũng chẳng đúng. Vì sao? Vì sắc thật chẳng phải ngã. Sắc nếu là ngã thì chẳng nên có hình mạo xấu xí. Vì sao lại có bốn dòng họ sai biệt mà chẳng đều một dòng Bà-la-môn? Vì sao lệ thuộc vào người khác chẳng được tự tại, các căn khiếm khuyết sinh ra chẳng đầy đủ? Vì sao chẳng làm thân chư Thiên mà thọ đủ thứ các thân địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh? Nếu chẳng thể tạo tác tùy ý thì phải biết nhất định không có ngã. Do không ngã nên gọi là vô thường, mà vô thường nên khổ. Do khổ nên là rỗng không, mà rỗng không nên điên đảo. Do điên đảo nên tất cả chúng sinh luân chuyển nơi sinh tử. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nay Lục sư! Như Lai Thế Tôn đoạn tuyệt vĩnh viễn sự trói buộc

của sắc cho đến sự trói buộc của thức. Vậy nên gọi là thường, lạc, ngã, tịnh. Lại nữa, sắc tức là nhân duyên, mà nếu là nhân duyên thì gọi là vô ngã. Vô ngã thì gọi là khổ, không. Thân của Như Lai chẳng phải là nhân duyên, mà chẳng phải nhân duyên nên gọi là có ngã. Nếu có ngã thì có thường, lạc, ngã, tịnh”. Bọn Lục sư lại nói: “Này Cù-đàm! Sắc cũng chẳng phải ngã cho đến thức cũng chẳng phải ngã. Ngã cùng khắp tất cả mọi nơi giống như hư không”. Ta nói: “Nếu khắp nơi có ngã thì chẳng nên nói, ngã ban đầu chẳng thấy. Nếu ban đầu chẳng thấy thì biết là cái thấy đó vốn không mà nay có. Nếu vốn không mà nay có thì đó gọi là vô thường. Nếu vô thường thì làm sao nói rằng, có khắp. Nếu có khắp thì trong năm đường nên có đủ thân. Nếu có thân thì đều thọ báo. Nếu đều thọ báo thì vì sao mà nói chuyển thọ thân trời, người. Ông nói cùng khắp là một hay là nhiều? Ngã nếu là một thì không cha, con, kẻ oán, người thân, người không oán không thân. Ngã nếu là nhiều thì năm căn của tất cả chúng sinh đều bình đẳng và nghiệp tuệ của họ cũng nên như vậy. Nếu như vậy thì làm sao nói rằng, căn có người đầy đủ, có người không đầy đủ. Và nghiệp thiện, nghiệp ác, người ngu, kẻ trí sai biệt?”. “Này Cù-đàm! Ngã của chúng sinh thì không có bờ cõi. Pháp cùng phi pháp thì có phân ra nhiều thứ. Chúng sinh tu pháp thì được thân đẹp, nếu làm phi pháp thì được thân xấu. Do nghĩa này nên nghiệp quả của chúng sinh chẳng được không sai khác”. Ta nói: “Này Lục sư! Pháp cùng phi pháp nếu như vậy thì ngã chẳng cùng khắp. Nếu ngã cùng khắp thì lẽ ra đều đến tất cả. Như ngã ấy đều đến khắp nơi thì người tu thiện cũng nên có ác, người làm ác cũng nên có thiện. Nếu chẳng vậy thì làm sao nói rằng cùng khắp?”. “Này Cù-đàm! Ví như ngôi nhà thấp trăm ngàn ngọn đèn, mỗi mỗi đều tự sáng, chẳng tổn hại lẫn nhau. Ngã của chúng sinh cũng như vậy. Việc tu thiện, làm ác của họ chẳng hòa hợp xen lẫn vào nhau”. “Các ông nếu nói ngã như ngọn đèn thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì ánh sáng của đèn kia từ nhân duyên mà có. Đèn tăng trưởng nên ánh sáng cũng tăng trưởng, còn ngã của chúng sinh thì chẳng như vậy. Ánh sáng từ đèn phát ra trụ tại chỗ khác, còn ngã của chúng sinh thì chẳng được như vậy là từ thân ra trụ tại chỗ khác. Ánh

sáng của đèn kia ở chung cùng với bóng tối. Vì sao? Vì như trong nhà tối thấp một ngọn đèn thì chẳng soi sáng, thấp lên nhiều ngọn đèn mới được sáng rõ. Nếu ngọn đèn ban đầu xua tan bóng tối thì chẳng cần những ngọn đèn sau. Nếu cần những ngọn đèn sau thì phải biết ánh sáng ban đầu ở chung cùng bóng tối”. “Này Cù-đàm! Nếu không ngã thì ai tạo tác thiện, ác?”. Ta nói: “Nếu ngã tạo tác thì sao gọi là thường. Như ngã ấy thường thì làm sao mà có khi làm thiện, có khi làm ác? Nếu nói có khi làm thiện, có khi làm ác thì làm sao lại nói rằng ngã là vô biên? Nếu ngã tạo tác thì vì sao mà lại tập làm pháp ác? Như ngã ấy chính là người làm, người biết thì vì sao sinh ra nghi ngờ chúng sinh vô ngã? Do nghĩa này nên trong pháp của ngoại đạo nhất định không có ngã. Nếu nói ngã, tức là Như Lai. Vì sao? Vì thân Như Lai vô biên không có lưới nghi hoặc. Chẳng tác, chẳng thọ nên gọi là thường. Chẳng sinh, chẳng diệt nên gọi là lạc. Không cấu bần phiền não nên gọi là tịnh. Không có mười tướng nên gọi là không. Vậy nên Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh, rỗng không, không có các tướng”. Các ngoại đạo nói: “Nếu nói, Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh, vô tướng nên rỗng không thì phải biết pháp của Cù-đàm nói là chẳng phải rỗng không. Vậy nên chúng tôi hôm nay cung kính nhận lấy mà hộ trì”. Bấy giờ, vô số ngoại đạo đối với pháp Phật đều khởi lòng tin xuất gia theo Phật.

Này thiện nam! Do nhân duyên này nên Ta ở rừng Ta-la song thọ này mà thuyết pháp như Đại Sư tử hống. Sư tử hống là Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Song thọ ở phương Đông là phá hoại vô thường, để đạt được thường cho đến song thọ ở phương Bắc là phá bất tịnh mà được tịnh. Này thiện nam! Chúng sinh trong này vì song thọ nên hộ trì rừng Ta-la, đừng để cho người ngoài lấy cành lá, chặt đốn phá hoại. Ta cũng như vậy, vì bốn pháp nên khiến cho các đệ tử hộ trì pháp Phật. Những gì là bốn? Là thường, lạc, ngã, tịnh. Đây là bốn song thọ, bốn vua trông coi. Ta vì bốn vua hộ trì pháp của cái ta nên Ta ở trong đó mà nhập Niết-bàn. Này thiện nam! Ta-la song thọ hoa trái luôn sum suê, luôn có thể làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh. Ta cũng như vậy, luôn có thể làm lợi ích cho hàng Thanh văn, Duyên giác. Hoa là dụ cho ngã, quả là dụ cho lạc. Do nghĩa này nên

ta ở vùng Ta-la song thọ này mà vào đại tịch định. Đại tịch định là Đại Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai vì sao Niết-bàn vào tháng hai?

–Này thiện nam! Tháng hai gọi là mùa xuân, tháng của xuân, muôn vật sinh trưởng, gieo trồng cây cối, hoa trái phát triển tươi tốt, sông nước tràn đầy, trăm loài thú sinh sôi. Lúc đó chúng sinh sinh ra nhiều tưởng về thường. Vì muốn phá tâm tưởng về thường như vậy của chúng sinh nên Ta nói tất cả pháp đều là vô thường mà chỉ nói Như Lai thường trụ bất biến. Này thiện nam! Ở trong sáu thời: Tiết mạnh đông khô khan xơ xác mọi người chẳng ưa thích. Tiết xuân ôn hòa mọi người ưa thích. Vì phá sự ưa thích thế gian của chúng sinh nên Ta diễn nói thường lạc ngã tịnh cũng vậy, Như Lai vì phá ngã của thế gian, tịnh của thế gian nên nói ngã tịnh chân thật của Như Lai. Nói tháng hai là dụ cho hai thứ pháp thân của Như Lai. Kẻ chẳng ưa mùa đông là người trí chẳng ưa Như Lai vô thường vào Niết-bàn. Kẻ ưa thích tháng hai là dụ cho người trí ưa thích Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh. Người gieo trồng là dụ cho các chúng sinh nghe pháp vui mừng, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà gieo trồng các căn lành. Sông là dụ cho những Đại Bồ-tát ở mười phương đến chỗ của Ta thưa hỏi nghe thọ kinh đến Đại Niết-bàn này. Trăm loài thú sinh sôi là dụ cho đệ tử của Ta phát sinh các thiện căn. Hoa dụ cho bảy giác chi. Quả dụ cho bốn thứ quả. Do nghĩa này nên Ta ở trong tháng hai vào Đại Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai từ lúc đản sinh, xuất gia, thành đạo, chuyển diệu pháp luân đều lấy ngày mừng tám mà vì sao riêng Thế Tôn lấy ngày mười lăm để Niết-bàn?

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Ngày mười lăm, vầng trăng không khuyết, tròn đầy. Chư Phật Như Lai cũng như vậy, vào Đại Niết-bàn không có khuyết, tròn đầy. Do nghĩa này nên ở trong ngày mười lăm vào Niết-bàn. Này thiện nam! Như ngày mười lăm,

khi vầng trăng tròn đầy thì có mười một việc. Những gì là mười một? Một là có thể phá bóng tối. Hai là khiến cho chúng sinh thấy đường hay chẳng phải đường. Ba là khiến cho chúng sinh thấy đường tà hay chánh. Bốn là trừ uất kiết nung nấu được niềm vui thanh lương. Năm là có thể phá hoại lòng cao ngạo. Sáu là dứt tất cả tư tưởng đạo tặc. Bảy là trừ lòng sợ thú dữ của chúng sinh. Tám là có thể làm nở hoa Ưu-bát-la. Chín là khép lại hoa sen. Mười là làm phát khởi tâm lên đường của hành nhân. Mười một là khiến cho các chúng sinh ưa thích thọ năm dục thu hoạch nhiều hoan lạc. Nay thiện nam! Vầng trăng tròn đầy Như Lai cũng như vậy: Một là phá hoại bóng tối lớn vô minh. Hai là diễn nói về chánh đạo, tà đạo. Ba là chỉ rõ đường tà hiểm sinh tử, đường bằng phẳng Niết-bàn. Bốn là khiến cho con người xa lìa lửa nóng tham dục, sân hận, ngu si. Năm là phá trừ vô minh của ngoại đạo. Sáu là phá hoại giặc ác phiền não kết. Bảy là trừ diệt tâm sợ năm cái. Tám là khai mở lòng gieo trồng căn lành của chúng sinh. Chín là che phủ tâm năm dục của chúng sinh. Mười là phát khởi hạnh tiến tu hưởng đến Đại Niết-bàn của chúng sinh. Mười một là khiến cho chúng sinh ưa tu giải thoát. Do ý nghĩa này nên vào ngày mười lăm Ta vào Đại Niết-bàn mà chân thật Ta chẳng vào Niết-bàn. Người ác ngu si trong hàng đệ tử của Ta thì nhất định cho là Như Lai vào Niết-bàn. Ví như người mẹ có nhiều con, người mẹ ấy bỏ đi đến đất nước khác, trong khoảng thời gian chưa trở lại, các con đều nói, mẹ ta đã chết, nhưng mà người mẹ này thật chẳng chết.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Những Tỳ-kheo nào có thể trang nghiêm rừng Ta-la song thọ này?

–Nay thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo thọ trì, đọc tụng mười hai bộ loại kinh điển đúng với câu văn kinh ấy, thông đạt nghĩa lý sâu xa, vì người giảng nói mà lời đầu, giữa, cuối đều tốt. Rồi vì muốn làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh mà diễn nói phạm hạnh. Những Tỳ-kheo như vậy thì có thể trang nghiêm rừng Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu được ý nghĩa lời Phật nói thì Tỳ-kheo A-nan tức là người ấy. Vì sao? Vì Tỳ-kheo A-nan thọ trì, đọc tụng mười hai bộ loại kinh điển, vì người khác khai thị, diễn nói chính ngữ, chính nghĩa giống như rót nước vào đồ đựng khác, Tỳ-kheo A-nan cũng như vậy, từ điều được nghe Phật nói, ông truyền lại đúng như đã nghe.

–Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo được thiên nhân thanh tịnh nhìn thấu tam thiên đại thiên thế giới trong mười phương như xem quả A-ma-lặc trong lòng bàn tay thì Tỳ-kheo như vậy cũng có thể trang nghiêm Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì Tỳ-kheo A-ni-lâu-đà là người ấy. Vì sao? Vì thiên nhân của A-ni-lâu-đà thấy đến tam thiên đại thiên thế giới ở mười phương cho đến trung ấm đều rõ ràng không chướng ngại.

–Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo thiếu dục tri túc, lòng ưa tịch tĩnh, siêng hành tinh tấn, hiểu rõ niệ, định, tuệ thì Tỳ-kheo như vậy có thể trang nghiêm Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy Tỳ-kheo Ca-diếp tức là người ấy. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Ca-diếp giỏi tu pháp thiếu dục, tri túc v.v...

–Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo vì tạo lợi ích cho chúng sinh chẳng vì lợi dưỡng mà tu tập thông đạt Tam-muội Vô tránh, Thánh hạnh, Không hạnh thì Tỳ-kheo như vậy có thể trang nghiêm Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì Tỳ-kheo Tu-bồ-đề tức là người ấy. Vì sao? Vì Tu-bồ-đề giỏi tu Tam-muội Vô tránh, Thánh hạnh, Không hạnh.

–Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo giỏi tu thần thông, trong một niệm có thể tạo tác đủ thứ thần thông biến hóa, một tâm một định mà có thể tạo tác hai kết quả như là nước và lửa thì Tỳ-kheo như vậy có thể trang nghiêm Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì Tỳ-kheo Mục-kiền-liên tức là người ấy. Vì sao? Vì Mục-kiền-liên giỏi tu thần thông, biến hóa không lường.

–Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo giỏi tu đại trí, lợi trí, trang nghiêm trí, giải thoát trí, thâm diệu trí, quảng trí, vô biên trí, vô thắng trí, thật trí v.v... thành tựu đầy đủ tuệ căn như vậy, đối với oán thân lòng không sai khác, nghe Như Lai Niết-bàn vô thường lòng không lo buồn, nghe Như Lai thường trụ chẳng vào Niết-bàn chẳng sinh vui mừng thì Tỳ-kheo như vậy có thể trang nghiêm Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất tức là người ấy. Vì sao? Vì Xá-lợi-phất giỏi có thể thành tựu đầy đủ đại trí tuệ như vậy.

–Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo có thể nói chúng sinh đều có Phật tánh, được thân kim cương, không có bờ cõi, thường, lạc, ngã, tịnh, thân tâm vô ngại, được tám tự tại thì Tỳ-kheo như vậy có thể trang nghiêm Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì chỉ có Như Lai chính là người ấy. Vì sao? Vì thân của Như Lai là thân kim cương, vô biên, thường, lạc, ngã, tịnh, thân tâm vô ngại, đủ tám tự tại. Thưa Thế Tôn! Chỉ có Như Lai mới có thể trang nghiêm Ta-la song thọ. Như không có Như Lai thì chẳng đoan nghiêm. Nguyện xin đấng Đại từ vì trang nghiêm nên thường trụ ở rừng cây Ta-la này.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Tánh của tất cả các pháp trụ ở vô trụ mà sao ông nói, nguyện xin Như Lai trụ? Này thiện nam! Phạm nói trụ tức là gọi sắc pháp. Các pháp từ nhân duyên sinh ra nên gọi là trụ. Nhân duyên không nơi chốn nên gọi là vô trụ. Như Lai đã đoan tất cả sự ràng buộc của sắc thì sao nói là Như Lai trụ? Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Này thiện nam! Trụ gọi là kiêu mạn, do kiêu mạn nên



chẳng được giải thoát, chẳng được giải thoát nên gọi là trụ. Ai có kiêu mạn? Từ đâu đến? Vậy nên được gọi là trụ ở vô trụ. Như Lai đoạn trừ vĩnh viễn tất cả kiêu mạn thì vì sao nói xin Như Lai trụ? Trụ là pháp hữu vi. Như Lai đã đoạn pháp hữu vi, vậy nên chẳng trụ. Trụ là pháp không. Như Lai đã đoạn pháp không nên Như Lai đạt được thường, lạc, ngã, tịnh thì vì sao mà nói xin Như Lai trụ? Trụ là hai mươi lăm cõi. Như Lai đã đoạn hai mươi lăm cõi thì làm sao mà nói xin Như Lai trụ? Trụ tức là tất cả phàm phu. Các bậc Thánh thì vô khứ, vô lai, vô trụ. Như Lai đã đoạn tướng khứ, lai, trụ thì làm sao mà nói rằng trụ? Nói vô trụ là gọi thân vô biên, mà thân vô biên thì làm sao nói xin Như Lai trụ ở rừng Ta-la? Nếu trụ ở rừng này tức là thân có biên. Nếu có biên thì đó là vô thường, mà Như Lai là thường thì sao nói rằng trụ? Phàm vô trụ là gọi hư không. Tánh của Như Lai đồng với hư không thì sao nói rằng trụ? Lại nữa, vô trụ là gọi Tam-muội kim cương, mà Tam-muội kim cương hoại tất cả trụ. Tam-muội kim cương tức là Như Lai thì sao nói rằng trụ? Lại, vô trụ tức là huyễn. Như Lai đồng với huyễn thì sao nói rằng trụ? Lại, vô trụ là gọi vô thủ, vô chung. Tánh của Như Lai vô thủ vô chung thì sao nói rằng trụ? Lại, vô trụ là gọi pháp giới vô biên, mà pháp giới vô biên tức là Như Lai thì sao nói rằng trụ? Lại, vô trụ là gọi Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm. Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm biết tất cả pháp mà không chấp trước. Do không chấp trước nên gọi là Thủ-lăng-nghiêm. Như Lai đầy đủ tánh Thủ-lăng-nghiêm thì sao nói rằng trụ? Lại, vô trụ là gọi xứ phi xứ lực, mà Như Lai thành tựu xứ phi xứ lực thì sao nói rằng trụ? Lại, vô trụ là gọi Thí Ba-la-mật, mà Thí Ba-la-mật nếu có trụ thì chẳng đạt đến Trì giới Ba-la-mật cho đến Bát nhã Ba-la-mật. Do nghĩa này nên Thí Ba-la-mật gọi là vô trụ. Như Lai cho đến chẳng trụ Bát nhã Ba-la-mật thì sao xin Như Lai thường trụ ở rừng cây Ta-la. Lại, vô trụ là gọi tu Bốn niệm xứ. Như Lai nếu trụ ở Bốn niệm xứ thì chẳng thể đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, gọi là trụ chẳng trụ. Lại, vô trụ là cõi chúng sinh vô biên. Như Lai đều đến cảnh giới vô biên của tất cả chúng sinh mà không chỗ trụ. Lại, vô trụ là gọi không nhà cửa. Không nhà cửa gọi là không có. Không có thì gọi là vô sinh. Vô sinh thì gọi là vô tử. Vô tử thì gọi là vô tướng.

Vô tướng thì gọi là không ràng buộc. Không ràng buộc thì gọi là vô trước. Vô trước thì gọi là vô lậu. Vô lậu tức là thiện. Thiện tức là vô vi. Vô vi tức là thường của Đại Niết-bàn. Thường của Đại Niết-bàn tức là ngã. Ngã tức là tịnh. Tịnh tức là lạc. Thường, lạc, ngã, tịnh tức là Như Lai. Này thiện nam! Ví như hư không chẳng trụ ở phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương bàng, phương trên, phương dưới. Như Lai cũng vậy, chẳng trụ ở phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương bàng, phương trên, phương dưới. Này thiện nam! Nếu có người nói rằng, thân, miệng, ý ác được quả thiện thì đó là điều không có. Thân, miệng, ý thiện được quả ác thì cũng không có điều đó. Nếu nói, phàm phu thấy được Phật tánh còn Bồ-tát Thập Trụ chẳng thấy được thì cũng không có điều đó. Bọn Nhất-xiển-đề, phạm tội ngũ nghịch, bái báng kinh Phương Đẳng, hủy phạm bốn trọng cấm được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì cũng không có điều đó. Bồ-tát Lục Trụ do nhân duyên phiền não mà rơi vào ba đường ác thì cũng không có điều đó. Đại Bồ-tát dùng ngay thân nữ để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì cũng không có điều đó. Nhất-xiển-đề thường trụ còn Tam bảo vô thường thì cũng không có điều đó. Như Lai trụ ở thành Câu-thi-na thì cũng không có điều đó. Này thiện nam! Như Lai hôm nay ở thành Câu-thi-na, vào Đại Niết-bàn, hang thiền định sâu mà chúng chẳng thấy nên gọi là Đại Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Đức Như Lai vì sao mà vào hang thiền định?

–Này thiện nam! Vì muốn độ thoát các chúng sinh nên đối với người chưa gieo trồng thiện căn khiến cho họ gieo trồng. Kẻ đã gieo trồng thiện căn thì được tăng trưởng. Kẻ mà quả thiện chưa thành thực thì khiến cho được thành thực. Người đã thành thực thì nói về việc hưởng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Kẻ khinh chê pháp thiện thì khiến cho họ sinh lòng tôn quý. Những kẻ phóng dật thì khiến cho họ lìa khỏi phóng dật. Ta vì muốn cùng với Văn-thù-sư-lợi v.v... các đại Hương tượng cùng chung luận nghị, vì muốn giáo hóa người ưa đọc tụng thâm ái thiền định, vì muốn dùng Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh để giáo hóa chúng sinh, vì quan sát pháp

tạng thâm diệu bất cộng, vì muốn quả trách đệ tử phóng dật v.v. Như Lai thường tịch tĩnh mà còn ưa thiền định huống gì là bọn các ông phiền não chưa hết mà sinh phóng dật. Ta vì muốn quả trách các Tỳ-kheo ác nhận chứa tám thứ vật bất tịnh và chẳng thiếu dục, chẳng tri túc, vì khiến cho chúng sinh tôn trọng pháp thiền định đã nghe v.v... Do những nhân duyên này nên Ta vào hang thiền định.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Định vô tướng này là gọi Đại Niết-bàn. Vậy nên Niết-bàn gọi là vô tướng. Do nhân duyên gì gọi là vô tướng?

–Này thiện nam! Vì không có mười tướng. Những gì là mười? Đó là tướng sắc, tướng thanh, tướng hương, tướng vị, tướng xúc, tướng sinh, tướng trụ, tướng hoại, tướng nam, tướng nữ. Đó là mười tướng. Không có những tướng như vậy nên gọi là vô tướng. Này thiện nam! Phàm chấp trước tướng nên sinh ra si, do si nên sinh ra ái, do ái nên bị trói buộc, do bị trói buộc nên thọ sinh, do đã sinh nên có chết, do có chết nên vô thường. Nếu chẳng chấp trước tướng thì chẳng sinh ra si, chẳng sinh si thì không có ái, không có ái thì không trói buộc, không trói buộc thì chẳng thọ sinh, chẳng thọ sinh thì không có chết, không có chết thì gọi là thường. Do nghĩa này nên Niết-bàn gọi là thường.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Những Tỳ-kheo nào có thể đoạn được mười tướng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo lúc nào cũng tu tập ba thứ tướng thì đoạn được mười tướng. Lúc nào cũng tu tập tướng Tam-muội định. Lúc nào cũng tu tập tướng trí tuệ. Lúc nào cũng tu tập tướng xả. Đó gọi là ba tướng.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là tướng định, tướng tuệ, tướng xả? Định là Tam-muội. Tất cả chúng sinh đều có Tam-muội thì sao nói rằng, tu tập Tam-muội? Nếu tâm tại một cảnh thì gọi là Tam-muội, nếu thay đổi theo duyên khác thì chẳng gọi là Tam-muội. Như bất

định kia chẳng phải Nhất thiết trí, mà chẳng phải Nhất thiết trí thì sao gọi là định? Nếu do một hạnh được Tam-muội thì các hạnh còn lại ấy cũng chẳng phải là Tam-muội. Nếu chẳng phải Tam-muội thì chẳng phải Nhất thiết trí. Nếu chẳng phải Nhất thiết trí thì sao gọi là Tam-muội? Hai tướng tuệ và xả cũng như vậy.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như lời ông nói, duyên với một cảnh được gọi là Tam-muội, các duyên khác chẳng gọi là Tam-muội thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì duyên khác như vậy cũng một cảnh. Hạnh cũng như vậy. Ông lại nói, chúng sinh có Tam-muội trước, chẳng cần tu hành thì điều này cũng chẳng đúng. Vì sao? Vì khi nói Tam-muội là gọi Tam-muội thiện mà tất cả chúng sinh thật chưa có thì sao nói rằng, chẳng cần tu tập? Do trụ ở trong Tam-muội thiện như vậy mà quan sát tất cả pháp nên gọi là tướng thiện tuệ. Chẳng thấy tướng khác của Tam-muội và trí tuệ thì đó gọi là tướng xả. Lại nữa, này thiện nam! Nếu chấp lấy tướng sắc, chẳng có thể quán tướng sắc thường hay vô thường, thì đó gọi là Tam-muội. Nếu có thể quan sát tướng sắc thường hay vô thường thì đó gọi là tướng tuệ. Tam-muội và tuệ bình đẳng quán tất cả các pháp thì đó gọi là tướng xả. Này thiện nam! Như người giỏi điều khiển chiếc xe bốn ngựa chậm, nhanh theo ý, vì nhanh chậm theo ý nên gọi là tướng xả. Bồ-tát cũng vậy, nếu Tam-muội nhiều thì tu tập tuệ. Nếu tuệ nhiều thì tu tập Tam-muội. Tam-muội và tuệ bình đẳng thì gọi là xả. Này thiện nam! Bồ-tát Thập Trụ lực trí tuệ nhiều, lực Tam-muội ít, vậy nên chẳng được thấy Phật tánh rõ ràng. Thanh văn, Duyên giác lực Tam-muội nhiều, lực trí tuệ ít. Do nhân duyên này nên chẳng thấy Phật tánh. Chư Phật Thế Tôn thì định và tuệ bình đẳng nên thấy rõ Phật tánh thông suốt không ngăn ngại như xem quả A-ma-lặc trong bàn tay. Thấy Phật tánh gọi là tướng xả.

Xa-ma-tha gọi là năng diệt, hay diệt trừ tất cả phiền não. Lại, Xa-ma-tha gọi là năng điều, hay điều phục việc ác, bất thiện của các căn. Lại, Xa-ma-tha gọi là tịch tĩnh, có thể khiến cho ba nghiệp trở nên tịch tĩnh. Lại, Xa-ma-tha gọi là xa lìa, có thể khiến cho chúng sinh lìa khỏi năm dục. Lại, Xa-ma-tha gọi là năng thanh, có thể làm

trong sạch ba pháp trước là tham dục, sân hận và ngu si. Do nghĩa này nên gọi là định tướng. Tỳ-bà-xá-na gọi là chánh kiến, cũng gọi là liễu kiến, gọi là năng kiến, gọi là biến kiến, gọi là thứ đệ kiến, gọi là biệt tướng kiến. Đó gọi là tuệ. Ưu-tất-xoa gọi là bình đẳng, cũng gọi là bất tranh, lại gọi là bất quán, cũng gọi là bất hành. Đó gọi là xả. Nay thiện nam! Xa-ma-tha có hai thứ: một là thế gian, hai là xuất thế gian. Lại có hai thứ: một là thành tựu, hai là chẳng thành tựu. Thành tựu là gọi chư Phật, Bồ-tát; chẳng thành tựu là gọi Thanh văn, Phật-bích-chi v.v... Lại có ba thứ là hạ, trung, thượng. Hạ là gọi các phàm phu; trung là Thanh văn, Duyên giác; thượng là chư Phật, Bồ-tát. Lại có bốn thứ: một là thoái, hai là trụ, ba là tiến, bốn là có thể đạt lợi ích. Lại có năm thứ, đó là gọi năm trí Tam-muội. Những gì là năm? Một là Tam-muội vô thực, hai là Tam-muội vô quá, ba là Tam-muội thân ý thanh tịnh nhất tâm, bốn là Tam-muội nhân quả đều an lạc, năm là Tam-muội thường niệm. Lại có sáu thứ: một là Tam-muội quán cốt, hai là Tam-muội từ, ba là Tam-muội quán mười hai nhân duyên, bốn là Tam-muội quán hơi thở ra vào, năm là Tam-muội niệm giác quán, sáu là Tam-muội quán sinh diệt. Lại có bảy thứ, đó là bảy giác phần: một là niệm giác phần, hai là trạch pháp giác phần, ba là tinh tấn giác phần, bốn là hỷ giác phần, năm là trừ giác phần, sáu là định giác phần, bảy là xả giác phần. Lại có bảy thứ: một là Tam-muội Tu-đà-hoàn, hai là Tam-muội Tư-đà-hàm, ba là Tam-muội A-na-hàm, bốn là Tam-muội A-la-hán, năm là Tam-muội Phật-bích-chi, sáu là Tam-muội Bồ-tát, bảy là Tam-muội Như Lai giác tri. Lại có tám thứ là tám Tam-muội giải thoát: Một là Tam-muội Nội hữu sắc tướng ngoại quán sắc giải thoát. Hai là Tam-muội Nội vô sắc tướng ngoại quán sắc giải thoát. Ba là Tam-muội Tịnh giải thoát thân chứng. Bốn là Tam-muội Không xứ giải thoát. Năm là Tam-muội Thức xứ giải thoát. Sáu là Tam-muội Vô sở hữu xứ giải thoát. Bảy là Tam-muội Phi hữu tướng phi vô tướng xứ giải thoát. Tám là Tam-muội Diệt tận định giải thoát. Lại có chín thứ, đó là chín định thứ lớp: Bốn thiền, Bốn không và Tam-muội diệt tận định. Lại có mười thứ đó là mười Tam-muội Nhất thiết xứ. Những gì là mười? Một là Tam-muội Địa nhất thiết xứ. Hai là Tam-muội Thủy

nhất thiết xứ. Ba là Tam-muội Phong nhất thiết xứ. Bốn là Tam-muội Thanh nhất thiết xứ. Năm là Tam-muội Hoàng nhất thiết xứ. Sáu là Tam-muội Xích nhất thiết xứ. Bảy là Tam-muội Bạch nhất thiết xứ. Tám là Tam-muội Không nhất thiết xứ. Chín là Tam-muội Thức nhất thiết xứ. Mười là Tam-muội Vô sở hữu nhất thiết xứ. Lại có vô số thứ đó là Tam-muội của chư Phật, Bồ-tát. Đây thiện nam! Đó gọi là tướng Tam-muội.

Này thiện nam! Tuệ có hai thứ: một là thế gian, hai là xuất thế gian. Lại có ba thứ: một là Bát nhã, hai là Tỳ-bà-xá-na, ba là Xà-na. Bát nhã là gọi tất cả chúng sinh. Tỳ-bà-xá-na là gọi tất cả Thánh nhân. Xà-na là chư Phật, Bồ-tát. Lại, Bát nhã thì gọi là Biệt tướng. Tỳ-bà-xá-na thì gọi là Tổng tướng. Xà-na thì gọi là Phá tướng. Lại có bốn thứ, đó là quan sát bốn chân đế. Đây thiện nam! Vì ba việc nên tu Xa-ma-tha. Những gì là ba? Một là chẳng phóng dật, hai là trang nghiêm đại trí, ba là được tự tại. Lại nữa, vì ba việc nên tu Tỳ-bà-xá-na. Những gì là ba? Một là vì quan sát quả báo ác của sinh tử. Hai là vì muốn tăng trưởng các căn lành. Ba là vì phá tất cả các phiền não.

